

Bản án số 02/2019/HC-PT
Ngày 02-7-2019
V/v khiếu kiện hành vi hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Duy Giá

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Duy Sơn

Ông Nguyễn Vĩnh Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Trịnh Duy Tám -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2019/TLPT-HC ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc khiếu kiện hành vi hành chính

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐPT-HC ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1939

Địa chỉ: KHC X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Đỗ Thị Thanh A, sinh năm 1992, địa chỉ: Số Y, đường H, phường S, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn G - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Z - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ nơi làm việc: Ủy ban nhân dân phường L - Đường P, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thế N - Phó Chủ tịch UBND phường L (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường L

Địa chỉ: Đường P, phường L, thành phố V, Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn O - Chủ tịch UBND phường L (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế N - Phó Chủ tịch UBND phường L (vắng mặt)

- Anh Lê Hải D, sinh năm 1996

Địa chỉ: KHC X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị Thanh A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 10 năm 2017 và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Lê Xuân T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Đỗ Thị Thanh A trình bày:

Gia đình ông Lê Xuân T là chủ sử dụng diện tích đất 9977m², địa chỉ thửa đất tại khu HC X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2003 gia đình ông T đã chuyển nhượng cho anh Đỗ Mạnh M diện tích đất là 1950m² nhưng đến ngày 15/6/2004 anh M đã làm đơn xin trả lại đất với lý do gặp khó khăn về kinh tế, trong giấy trả lại đất không nhắc đến việc gia đình ông T phải trả lại tiền cho anh M.

Tháng 4/2017 anh Lê Hải D, sinh năm 1996; địa chỉ: phường L, V yêu cầu gia đình ông T trả lại phần diện tích đã bán cho anh M, anh D đã xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp ngày 12/01/2006 mang tên hộ ông Trần Xuân K, diện tích đất 1950m², nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của hộ ông Lê Xuân T, sau đó ông Kỳ chuyển nhượng cho anh Lê Hải D.

Anh D đã cho người đập phá tường xây của gia đình ông T, dọn sạch mặt bằng, đổ đất, tiến hành xây dựng các công trình trên đất, theo ông T việc xây dựng các công trình trên đất của anh D là trái quy định của pháp luật. Tháng 8/2017 ông T đã có đơn gửi Ủy ban nhân dân phường L đề nghị dừng việc xây dựng các công trình xây dựng trên đất, nhưng anh D vẫn tiếp tục xây dựng các công trình trên đất.

Theo hồ sơ Ủy ban nhân dân phường nộp tại Tòa, Ủy ban nhân dân phường L có lập biên bản xử lý xây dựng trên đất đang có tranh chấp, biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm, quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, quyết định xử phạt hành

chính. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chỉ xử lý hành vi, vi phạm của anh D trên giấy tờ nhưng trên thực tế công trình vẫn tiếp tục thi công.

Nay ông Lê Xuân T khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố hành vi không thực hiện nhiệm vụ, công vụ, không xử lý vi phạm đối với hành vi xây dựng trái phép của anh Lê Hải D của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L là trái quy định của pháp luật;

2. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L chấm dứt hành vi vi phạm nêu trên, đồng thời buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L thực hiện xử lý hành vi vi phạm của anh Lê Hải D theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Nhất trí với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Tuyên bố hành vi không thực hiện nhiệm vụ, công vụ, không xử lý vi phạm đối với hành vi xây dựng trái phép của anh Lê Hải D của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L là trái quy định của pháp luật;

2. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L chấm dứt hành vi vi phạm nêu trên, đồng thời buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L thực hiện xử lý hành vi vi phạm của anh Lê Hải D theo đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Sau khi nhận được đơn đề nghị của ông Lê Xuân T về việc yêu cầu anh Lê Hải D chấm dứt hành vi xây dựng trên diện tích đất mà ông T cho rằng là phần đất của gia đình ông T đã chuyển nhượng cho anh Đỗ Mạnh M nhưng anh M đã làm đơn xin trả lại đất cho gia đình ông (không mua), nhưng trong đơn anh M không đề nghị nhận lại tiền, Ủy ban nhân dân phường L đã đến gia đình anh D lập biên bản về việc kiểm tra xây dựng nhà (riêng phần tường ông T không có ý kiến gì). Ngày 23/8/2017 Ủy ban nhân dân phường L đến để kiểm tra anh D đã xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất mang tên anh Lê Hải D thửa đất số 64 từ bản đồ số 07 do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp năm 2013, tại khu X, phường L, thành phố V Ủy ban nhân dân phường đã kiểm tra việc anh D xây dựng nhà không có giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền, cán bộ chuyên môn của phường đã phối hợp với Đội trật tự thành phố lập Biên bản yêu cầu dừng thi công và cung cấp giấy tờ; ngày 29/8/2017 Ủy ban nhân dân phường có giấy mời hộ ông Lê Hải D và ông Lê Xuân T (người có đơn đề nghị) cùng các phòng ban chuyên môn đến Ủy ban nhân dân phường để phối hợp giải quyết, tuy nhiên ông D không có mặt; ngày 06/9/2017 Ủy ban nhân dân phường L đã lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi

công trình vi phạm đối với hành vi xây dựng công trình không có giấy phép của ông Lê Hải D; ngày 07/9/2017 tiếp tục cử cán bộ địa chính và trật tự phường phối hợp cùng trưởng khu hành chính X kiểm tra việc xây dựng tại thửa đất số 64 tờ bản đồ 07 thấy công trình vẫn tiếp tục xây dựng. Ủy ban nhân dân phường đã lập biên bản yêu cầu ngừng thi công đồng thời cùng ngày Ủy ban nhân dân phường đã ra Quyết định số 151/QĐ-UBND đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông Lê Hải D; ngày 13/9/2017 Ủy ban nhân dân phường ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 159/QĐ-XPVPHC đối với ông Lê Hải D về hành vi xây dựng thi công công trình không có giấy phép xây dựng. Sau đó qua xác minh Ủy ban nhân dân phường L xác định ông Lê Hải D không thường trú tại khu hành chính X, phường L và cũng không xác minh được ông Lê Hải D ở đâu nên Ủy ban nhân dân phường chưa giao được Biên bản xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định xử phạt cho ông D. Ủy ban nhân dân phường đã tiến hành niêm yết tại thửa đất số 64, nhà văn hóa khu 16 và khu 11 (nơi ông D có hộ khẩu thường trú). Ngày 18/9/2017 Ủy ban nhân dân phường tiến hành kiểm tra việc thực hiện Quyết định 151/QĐ-UBND đình chỉ thi công xây dựng công trình tại thửa đất số 64 phát hiện đội thợ do ông Nguyễn Văn E phụ trách vẫn đang xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân đã lập biên bản yêu cầu dừng ngay việc xây dựng, ông E hứa chấp hành, không tái phạm. Ngày 19/9/2017 Ủy ban nhân dân phường có Báo cáo số 114/BC-UBND gửi Ủy ban nhân dân thành phố V về việc xử lý xây dựng không phép trong khu 16, phường L, thành phố V; ngày 25/9/2017 Ủy ban nhân dân phường tiếp tục kiểm tra việc thực hiện quyết định đình chỉ thi công xây dựng tại thửa đất số 64, thấy đội thợ do ông E phụ trách vẫn tiếp tục thi công xây dựng. Ủy ban nhân dân phường đã lập biên bản yêu cầu ông E dừng thi công và ông E chấp nhận. Ngày 26/9/2017 Ủy ban nhân dân phường đã có Báo cáo số 120/BC-UBND gửi Ủy ban nhân dân thành phố V xử lý đối với hành vi xây dựng không phép tại thửa đất của ông D.

Nay ông T có đơn khởi kiện quan điểm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường không chấp nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân phường L trình bày: Ủy ban nhân dân phường nhất trí với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hải D vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết vụ án trình bày: Khoảng đầu năm 2016 anh có xây dựng công trình trên thửa đất số 64, tờ bản đồ 07 tại khu hành chính 16, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Thửa đất này anh đã được Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh

Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09 tháng 12 năm 2013 đứng tên anh là Lê Hải D. Do vậy việc anh xây dựng công trình trên đất của mình là đúng. Tuy nhiên do sơ xuất khi xây dựng công trình trên đất anh không làm đơn xin cấp giấy phép xây dựng. Sau khi có quyết định đình chỉ thi công và quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L anh đã cho dừng thi công. Nay ông Lê Xuân T khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L về việc không xử lý hành vi, vi phạm của anh, anh không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án số 02/2018/HC-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố V đã:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Khoản 3 Điều 103 Luật xây dựng năm 2014; khoản 4 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; các Điều 38, 55, 58, 66, 67, 68, 70 Luật xử lý vi phạm hành chính, khoản 6, khoản 10 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; Điều 4, khoản 1, Điều 5, khoản 1 Điều 17, Điều 22, Điều 23 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị; điểm d, khoản 1 Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12 tháng 02 năm 2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi không thực hiện nhiệm vụ, công vụ, không xử lý vi phạm đối với hành vi xây dựng trái phép của anh Lê Hải D của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L là trái quy định của pháp luật; yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân phường L chấm dứt hành vi vi phạm nêu trên, đồng thời buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L thực hiện xử lý hành vi vi phạm của anh Lê Hải D theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000209 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Ông Lê Xuân T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 07/12/2018 bà Đỗ Thị Thanh A có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Thanh A là hợp lệ được chấp nhận.

Tại phiên Tòa, người bị kiện, đại diện người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Hải D vắng mặt nhưng những người trên có đơn xin xét vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng: Khi nhận được đơn đề nghị của ông Lê Xuân T về việc yêu cầu anh Lê Hải D chấm dứt hành vi xây dựng trên diện tích đất mà ông T cho rằng là phần đất của gia đình ông T đang có tranh chấp, Ủy ban nhân dân phường L đã làm các thủ tục theo đúng quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị; Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12 tháng 02 năm 2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Thủ tục giải quyết hành vi vi phạm hành chính của anh Lê Hải D như sau: Sau khi nhận được đơn đề nghị của ông Lê Xuân T về việc yêu cầu anh Lê Hải D chấm dứt hành vi xây dựng trên diện tích đất mà ông T cho rằng đất đang có tranh chấp. Ngày 23/8/2017 Ủy ban nhân dân phường L đã đến thửa đất số 64 tờ bản đồ số 07 tại khu X, phường L, thành phố V của anh D để kiểm tra việc anh D xây dựng nhà không có giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền, cán bộ chuyên môn của phường đã phối hợp với Đội trật tự thành phố lập Biên bản yêu cầu dừng thi công và cung cấp giấy tờ; ngày 29/8/2017 Ủy ban nhân dân phường có giấy mời hộ ông Lê Hải D và ông Lê Xuân T (người có đơn đề nghị) cùng các phòng ban chuyên môn đến Ủy ban nhân dân phường để phối hợp giải quyết, tuy nhiên ông Dương không có mặt; ngày 06/9/2017 Ủy ban nhân dân phường L đã lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công công trình vi phạm đối với

hành vi xây dựng công trình không có giấy phép của ông Lê Hải D; ngày 07/9/2017 tiếp tục cử cán bộ địa chính và đội trật tự phường phối hợp cùng trưởng khu hành chính X kiểm tra việc xây dựng tại thửa đất số 64 tờ bản đồ 07 thấy công trình vẫn tiếp tục xây dựng. Ủy ban nhân dân phường đã lập Biên bản yêu cầu ngừng thi công đồng thời cùng ngày Ủy ban nhân dân đã ra Quyết định số 151/QĐ-UBND đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông Lê Hải D; ngày 13/9/2017 Ủy ban nhân dân phường ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 159/QĐ-XPVPHC đối với ông Lê Hải D về hành vi xây dựng thi công công trình không có giấy phép xây dựng. Sau đó qua xác minh Ủy ban nhân dân phường L xác định ông Lê Hải D không thường trú tại khu hành chính X, phường L và cũng không xác minh được ông Lê Hải D ở đâu nên Ủy ban nhân dân phường chưa giao được quyết định xử phạt cho ông D Ủy ban nhân dân phường đã tiến hành niêm yết tại thửa đất số 64, nhà văn hóa khu X và khu F (nơi ông D có hộ khẩu thường trú). Ngày 18/9/2017 Ủy ban nhân dân phường tiến hành kiểm tra việc thực hiện Quyết định 151/QĐ-UBND đình chỉ thi công xây dựng công trình tại thửa đất số 64 phát hiện đội thợ do ông Nguyễn Văn E phụ trách vẫn đang xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân đã lập Biên bản yêu cầu dừng ngay việc xây dựng, ông E hứa chấp hành, không tái phạm. Ngày 19/9/2017 Ủy ban nhân dân phường có Báo cáo số 114/BC-UBND gửi Ủy ban nhân dân thành phố V về việc xử lý xây dựng không phép trong khu X, phường L, thành phố V; ngày 25/9/2017 Ủy ban nhân dân phường tiếp tục kiểm tra việc thực hiện quyết định đình chỉ thi công xây dựng tại thửa đất số 64, thấy đội thợ do ông E phụ trách vẫn tiếp tục thi công xây dựng. Ủy ban nhân dân phường đã lập biên bản yêu cầu ông E dừng thi công và ông E chấp nhận. Ngày 26/9/2017 Ủy ban nhân dân phường đã có Báo cáo số 120/BC-UBND gửi Ủy ban nhân dân thành phố V xử lý đối với việc xây dựng không phép tại thửa đất của ông D.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay các bên đều khẳng định thửa đất trên hiện đứng tên anh Lê Hải D đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2013 đến nay việc tranh chấp đất đai giữa các bên vẫn chưa giải quyết xong, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với anh Lê Hải D vẫn đang có hiệu lực, hành vi anh D xây dựng công trình trên thửa đất của anh D mà không có giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền là hành vi xây dựng không phép.

Căn cứ Khoản 3 Điều 103 Luật xây dựng năm 2014; khoản 4 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; các Điều 38, 55, 58, 66, 67, 68, 70 Luật xử lý vi phạm hành chính, khoản 2, khoản 3 Điều 3, khoản 6, Điều 13; Điều 67 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định

xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; Điều 10, Điều 12, khoản 1 Điều 17, Điều 23 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị; điểm d, khoản 1 Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12 tháng 02 năm 2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ thì việc xử lý hành vi xây dựng không có giấy phép của anh Lê Hải D của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L là đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 139/QĐ-XPVPHC ngày 13/9/2017 đối với anh Lê Hải D (áp dụng hình thức phạt tiền 5.000.000đồng, biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm), đến ngày 18/9/2017, UBND phường L tiếp tục kiểm tra công trình xây dựng của anh Lê Hải D thì công trình vẫn đang được thi công, trong trường hợp này UBND phường L phải thực hiện các biện pháp ngăn chặn ngừng cung cấp các dịch vụ điện, nước và các dịch vụ khác liên quan đến xây dựng công trình; cấm các phương tiện vận tải chuyên chở vật tư, vật liệu, công nhân vào thi công xây dựng theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị định 180/2007/NĐ-CP đối với hành vi xây dựng không phép của anh Lê Hải D. Công trình xây dựng của anh Lê Hải D là công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của UBND thành phố V, nên nếu UBND phường L đã thực hiện các biện pháp ngăn chặn mà anh D vẫn không chấp hành thì theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD, UBND phường L gửi hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V để UBND thành phố V xem xét có ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ hay không.

Như vậy, việc UBND phường L chỉ gửi báo cáo số 114/BC-UBND ngày 19/9/2017 và báo cáo số 120/BC-UBND ngày 26/9/2017 đến UBND thành phố V mà không thực hiện các biện pháp ngăn chặn, không gửi hồ sơ kèm theo báo cáo đến UBND thành phố V để xem xét giải quyết là chưa thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định. Việc người khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố hành vi không thực hiện nhiệm vụ, công vụ, không xử lý vi phạm đối với hành vi xây dựng trái phép của anh Lê Hải D của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L là trái quy định của pháp luật, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L chấm dứt hành vi, vi phạm nêu trên, đồng thời buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L thực hiện xử lý hành vi vi phạm của anh Lê Hải D theo đúng quy định của pháp luật là có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện được chấp nhận, cần sửa án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Ủy ban nhân dân phường L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Rút kinh nghiệm thêm đối Tòa án cấp sơ thẩm: Phần Quyết định của bản án có đoạn tuyên “1... yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân phường L chấm dứt hành vi vi phạm nêu trên, đồng thời buộc Ủy ban nhân dân phường L thực hiện xử lý hành vi vi phạm của anh Lê Hải D theo đúng quy định của pháp luật.” là không đúng vì hành vi bị kiện là hành vi của Chủ tịch UBND phường L chứ không phải hành vi của Ủy ban nhân dân phường L. Nữa là: Ông Lê Xuân T sinh năm 1939 năm nay 80 tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn người khởi kiện làm thủ tục xin miễn án phí hành chính sơ thẩm, không nói rõ lý do mà Quyết định buộc ông T chịu án phí hành chính sơ thẩm là không đúng quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Ý kiến của Kiểm sát Viên tại phiên tòa là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, khoản 2 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 3 Điều 103 Luật xây dựng năm 2014; khoản 4 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; các Điều 38, 55, 58, 66, 67, 68, 70 Luật xử lý vi phạm hành chính, khoản 6, khoản 10 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; Điều 4, khoản 1, Điều 5, điểm b, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 17, Điều 22, Điều 23 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị; điểm d, khoản 1 Điều 2 Thông tư 02/2014/TT-BXD ngày 12 tháng 02 năm 2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và sửa Bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T, tuyên bố hành vi không thực hiện nhiệm vụ, công vụ, không xử lý vi phạm đối với hành vi xây dựng trái

phép của anh Lê Hải D của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L là trái quy định của pháp luật; buộc Chủ tịch ủy ban nhân dân phường L chấm dứt hành vi vi phạm nêu trên, đồng thời buộc Chủ tịch ủy ban nhân dân phường L thực hiện xử lý hành vi vi phạm của anh Lê Hải D theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Lê Xuân T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả ông T 300.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000209 ngày 24 tháng 10 năm 2017 và 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T (do chị A nộp thay) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003703 ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Ủy ban nhân dân phường L phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Duy Giá